PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
FERROUS SULFATE HEPTAHYDRATE

Số CAS: 7782 - 63 – 0

Số UN:

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

LOC THIEN CO.,LTD

I. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN

1. Thông tin hóa chất: FeSO4.7H20

Tên thường gọi của chất: Ferrous sulfate heptahydrate

Tên thương mại: Ferrous sulfate heptahydrate

Tên khác (không là tên khoa học): Sắt sulfate

Mục đích sử dụng: dùng làm nguyên liệu sản xuất phân bón,…

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN

452/6B Tỉnh lộ 10, Phường Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6269 5669

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ferrous sulfate heptahydrate	7782 - 63 - 0	FeSO4.7H2O	98%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Chưa có thông tin

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: sản phẩm không cháy
- Nguy hiểm nếu nuốt phải, có thể gây ảnh hưởng đến thận.
- Chất này có thể bị hấp thụ vào cơ thể qua đường hô hấp và qua đường tiêu hóa.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: có thể gây dị ứng đường hô hấp
- Đường da: có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải một lượng lớn có thể gây dị ứng dạ dày.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

- Trước hết rửa bằng nhiều nước trong vài phút (tháo kính áp tròng nếu dễ dàng), sau đó đưa đi bác sỹ.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

- Lột quần áo bị nhiễm hóa chất, rửa và sau đó rửa da bằng nước xà phòng**.**

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

- Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí, nghỉ ngơi ở tư thế dựng nửa người. Tham khảo ý kiến thầy thuốc.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

- Tham khảo ý kiến thầy thuốc.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy : Không cháy NỔ

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Oxit lưu huỳnh, oxit sắt

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: tia lửa, tĩnh điện, hút thuốc.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Bột, bọt bền cồn, nhiều nước, carbon dioxide.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nếu cháy, mặc quần áo và găng tay bảo hộ, thiết bị thở dưỡng khí.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Chưa có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Hút chân không hoặc quét hoá chất vào thiết bị chứa thích hợp.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng

- Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để thu gom và dọn sạch phần hóa chất rơi vãi vào thiết bị chứa thích hợp, tránh tạo bụi, tạo môi trường thoáng khí**.**

VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân (kính che mắt, khẩu
- trang lọc bụi hoá chất, găng tay, quần áo bảo hộ, giầy, ủng …).
- Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác với hóa chất.
- Giặt giũ cẩn thận bảo hộ sau khi làm việc với hóa chất.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Bảo quản trong thùng chứa kín, đặt tại nơi khô ráo, thoáng gió tránh xa các chất không tương thích, tránh ánh sáng mặt trời.

VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

- Thông gió hoặc các biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: đeo kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: mặc quần áo bảo hộ lao động
- Bảo vệ tay: đeo găng tay bảo hộ
- Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng cao su

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Phương tiện bảo hộ cá nhân
- Thông gió cưỡng bức

4. Các biện pháp vệ sinh

- Tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hóa chất.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi (^{0}C): 300^{0}C
Màu sắc: màu xanh da trời- xanh lá cây	Điểm nóng chảy (^{0}C): 64^{0}C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (^{0}C) : không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: 48,6 g/100g ở 50^{0}C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ PH: chưa có thông tin	Độ nhớt: chưa xác định
Khối lượng riêng (kg/m^3): không áp dụng	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Ổn định ở nhiệt độ và áp suất bình thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng mạnh với các chất oxi hóa mạnh, bazơ, chì acetat …
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung …);
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen …): Hợp chất này ăn mòn đối với mắt, da và phế nang. Chất này có thể gây tác động đến hệ thần kinh trung ương.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật: Chưa có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Chưa có thông tin

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không nằm trong chất thải nguy hại

3. Biện pháp tiêu hủy: Không được thải trực tiếp ra môi trường

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020, sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến vận chuyển hàng nguy hiểm, bao gồm quy định cho các phương tiện giao thông đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa						

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Nghị định số: 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 42/2020/NĐ CP ngày 08/04/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 07 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Nghị đinh 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 113/2017/nđ-cp ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 04/01/2020

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 01/07/2025

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc